

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BGDDĐT-GDPT

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

V/v báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ

VĂN PHÒNG UBND TP HÀI PHÒNG	
<b>ĐẾN</b>	Số: 45585
	Ngày: 15/09/2025
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	
ĐƠN VỊ	CHỦ THAM TRI GIÁ
CT L.N.Châu	18/9/2023 X
PCT TT L.A.Quân	
PCT N.M.Hùng	X
PCT T.V.Quân	
PCT H.M.Cường	
CVP H.V.Thực	X
PCVP N.H.Long	
PCVP T.V.Thiện	
PCVP N.T.Hùng	
PCVP P.A.Tuấn	X
PCVP P.Q.Hưng	
PCVP P.H.Hoàng	
P. NV&KT,GS	
P. NC	
P. NN&MT	
P. TC	
P. TH	
P. VX	X
P. XD&CT	
Ban TCDTP	Nơi nhận:
P. HC-QT	Như trên;
TTPVHCCTP	Văn phòng Chính phủ (để b/c);
TTHN&NKTP	Bộ trưởng (để b/c);
Cổng TTĐTTP	

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính

phủ, ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày

18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện

Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về

đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông (sau đây gọi là Nghị

quyết số 32), Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị quý cơ quan báo cáo kết quả thực

hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 32 (theo đề cương gửi kèm theo

Công văn này).

Báo cáo xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 22/9/2025 để tổng hợp,

báo cáo Chính phủ (bản mềm gửi qua thư điện tử [ltdung@moet.gov.vn](mailto:ltdung@moet.gov.vn)).

Trân trọng./

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**

Phạm Ngọc Thưởng

## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH15 ngày 18/9/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

### PHẦN I

#### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 32/NQ-CP NGÀY 20/3/2024 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 686/NQ-UBTVQH15 NGÀY 18/9/2023 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

I. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện (ban hành chương trình, kế hoạch triển khai,...)

2. Công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

3. Công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; mua sắm thiết bị dạy học; tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông; quá trình lựa chọn sách giáo khoa

II. Kết quả thực hiện các nội dung được giao tại Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 20/3/2024 của Chính phủ

1. Về hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông

2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông

2.1. Tiếp tục triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông theo lộ trình, đảm bảo tiến độ, chất lượng

2.2. Tổng kết đánh giá việc triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tổng kết việc thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

2.3. Biên soạn, tổ chức in, phát hành tài liệu giáo dục địa phương

2.4. Tăng cường phân cấp trong quản lý nhà nước về giáo dục

### **3. Về tăng cường các điều kiện bảo đảm triển khai đổi mới giáo dục phổ thông**

3.1. Quản lý, sử dụng, tuyển dụng biên chế giáo viên được bổ sung theo Quyết định số 72-QĐ/TW, ngày 17/8/2022 của Bộ Chính trị; thực hiện luân chuyển giáo viên để giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ

3.2. Thực hiện các chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

3.3. Nâng cao chất lượng đào tạo ngành sư phạm; chất lượng, hiệu quả bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên;

3.4. Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; nghiên cứu, rà soát cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

3.5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; đầu tư kiên cố hóa trường lớp học, xóa phòng học tạm; phát triển trường lớp học ở các khu vực có dân số tăng nhanh, khu vực đông dân cư.

3.6. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục

3.7. Bố trí, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, nhất là nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án, dự án được phê duyệt

3.8. Bố trí ngân sách thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa; in, phát hành tài liệu giáo dục địa phương; sách chữ nổi Braille cho người khiếm thị; bố trí kinh phí hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ

3.9. Xây dựng phương án và triển khai thực hiện việc hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, học sinh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng sâu, vùng xa, học sinh đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh thuộc diện đối tượng chính sách

3.10. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, giá, phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ sở giáo dục phổ thông

### **III. Đánh giá chung**

#### **1. Một số kết quả nổi bật**

#### **2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

#### **3. Bài học kinh nghiệm**

**PHẦN II**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**  
**CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2025 VÀ NĂM 2026**

- 1. Về hoàn thiện thể chế, chính sách**
- 2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông**
- 3. Về tăng cường các điều kiện bảo đảm triển khai đổi mới giáo dục phổ thông**

**PHẦN III**  
**ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- 1. Với Quốc hội**
- 2. Với Chính phủ**
- 3. Với các bộ, cơ quan ngang Bộ**

## PHỤ LỤC 1

Mạng lưới, quy mô trường, lớp học năm học 2024 - 2025

Cấp học	Trường			Lớp			Học sinh			
	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập	Dân tộc thiểu số
<b>Mầm non</b>										
- Nhà trẻ										
- Mẫu giáo										
- Mầm non										
- Nhóm/lớp độc lập										
<b>Tiểu học</b>										
<b>THCS (*)</b>										
<b>THPT (**)</b>										

(\*) Số trường THCS bao gồm cả trường phổ thông nhiều cấp học Tiểu học và THCS

(\*\*) Số trường THPT bao gồm cả trường phổ thông nhiều cấp học: Tiểu học, THCS và THPT; THCS và THPT

## PHỤ LỤC 2

### Thực trạng, nhu cầu đội ngũ giáo viên

#### 1. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019 năm học 2024 - 2025 (công lập và ngoài công lập)

Chỉ tiêu	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
Tỷ lệ đạt chuẩn trình độ đào tạo (%)				
Tỷ lệ trên chuẩn trình độ đào tạo (%)				

#### 2. Biên chế giáo viên (công lập)

Chỉ tiêu	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
<b>Số lượng giáo viên năm học 2024 - 2025</b>				
- Số hiện có (người)				
- Số cần có (người)				
<b>Tình trạng thừa/thiếu cục bộ giáo viên năm học 2024 - 2025</b>				
- Số thừa (người)				
- Số thiếu (người)				
<b>Nhu cầu giáo viên cần có năm học 2025 - 2026 (người)</b>				

## PHỤ LỤC 3

Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm học 2024 - 2025

Chỉ tiêu	Tổng số	Mâm non	Tiểu học	THCS	THPT
<b>Phòng học</b>					
Số phòng học hiện có (phòng)					
- Trong đó, tỉ lệ phòng học kiên cố (%)					
Số phòng học theo nhu cầu (phòng)					
<b>Phòng bộ môn</b>					
Số phòng bộ môn hiện có (phòng)					
Số phòng bộ môn nhu cầu (phòng)					
<b>Tỉ lệ thiết bị dạy học tối thiểu (% theo từng khối lớp)</b>					